

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ, bà Trần Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Th, sinh năm 1994.

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lâm Minh S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị Th trình bày:

Bà Dương Thị Th và ông Lâm Minh S có tổ chức cưới năm 2014, đăng ký kết hôn ngày 23/8/2017 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Từ tháng 3/2022 đến nay thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay bà Th nhận thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Th và ông S có 01 người con chung là Lâm Thị Phương T, sinh ngày 22/7/2014, hiện nay đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Lâm Minh S trình bày:

Ông và bà Dương Thị Th tổ chức cưới năm 2014, đăng ký kết hôn ngày 23/8/2017 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 3/2022 đến nay thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Bà Th yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, khi nào bà Th nhường quyền nuôi con cho ông trực tiếp nuôi thì ông mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Th có 01 người con chung là Lâm Thị Phương T, sinh ngày 22/7/2014, hiện nay đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn ông yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hoà giải ngày 23/6/2022, con chung Lâm Thị Phương T trình bày ý kiến:

Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Dương Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Th và ông Lâm Minh S tự nguyện tổ chức cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2017 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị Th và ông Lâm Minh S là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà Th không còn tình cảm gì với ông S, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa ông S thống nhất vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn vì bà Th không nhường quyền nuôi con cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy, ông S và bà Th đã phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022 tới nay do bất đồng ý kiến và không giải quyết được, cho thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông S đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà Th và ông S có 01 người con chung là Lâm Thị Phương T, sinh ngày 22/7/2014, hiện đang sống chung với bà Th. Xét thấy, hiện nay con chung là Lâm Thị Phương T đang sống chung với bà Th. Cháu Phương T cũng có

nguyện vọng sống với mẹ, bà Th cũng yêu cầu được quyền tiếp tục được nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ theo nguyện vọng của con chung và nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của con chung thì cần thiết giao con chung Lâm Thị Phương T cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Thảo đủ 18 tuổi. Ông S được quyền thăm nom con chung Lâm Thị Phương T, không ai được quyền cản trở. Ông S yêu cầu được nuôi con chung Lâm Thị Phương T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Dương Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Th đối với bị đơn ông Lâm Minh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Th được ly hôn với ông Lâm Minh S.
2. Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Th được quyền trực tiếp nuôi con chung là Lâm Thị Phương T, sinh ngày 22/7/2014 cho đến khi con chung Lâm Thị Phương T đủ 18 tuổi. Ông Lâm Minh S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Thị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Th và ông Lâm Minh S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0009973 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
 - Các đương sự;
 - TAND tỉnh Sóc Trăng;
 - Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
 - UBND xã T, huyện M
- (Theo GCNKH số 134 ngày 23/8/2017);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến